

Số: /2025/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 20/2025/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Kết luận số 100-KL/ĐU ngày 17/11/2025 của Đảng ủy UBND tỉnh về kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh, nhiệm kỳ 2025 - 2030 tại Hội nghị lần thứ 10 về nội dung kinh tế - xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế;

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định quy định phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Gia Lai đối với:

1. Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm (trừ các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm do Bộ Y tế trực tiếp quản lý) gồm: Cơ sở sản xuất nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, nước đá dùng liền, nước đá dùng để chế biến thực phẩm, thực phẩm bổ sung, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, các vi

chất bổ sung vào thực phẩm, cơ sở sản xuất thực phẩm khác không được quy định tại Phụ lục số III (Phụ lục danh mục các sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm; hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường) và Phụ lục số IV (Phụ lục danh mục các sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm; hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương) ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

2. Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố.

3. Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 02 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên, trong đó có các sản phẩm quy định tại khoản 1, 2 Điều này, nếu cơ sở đó lựa chọn ngành Y tế là cơ quan quản lý chuyên ngành để thực hiện các thủ tục hành chính.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Sở Y tế; Ủy ban nhân dân các xã, phường.

2. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống; cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố quy định tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm cho Sở Y tế**

1. Quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh

a) Cơ sở sản xuất nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, nước đá dùng liền, nước đá dùng để chế biến thực phẩm, cơ sở sản xuất thực phẩm bổ sung, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, các vi chất bổ sung vào thực phẩm, cơ sở sản xuất thực phẩm khác không được quy định tại danh mục tại Phụ lục III, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

b) Cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 02 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên, trong đó ngành Y tế quản lý sản phẩm có sản lượng lớn nhất trong các sản phẩm của cơ sở sản xuất.

c) Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên, nếu cơ sở đó lựa chọn ngành Y tế là cơ quan quản lý chuyên ngành về an toàn thực phẩm để thực hiện các thủ tục hành chính.

d) Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, gồm: cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã; cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và có quy mô từ 200 suất ăn/lần phục vụ trở lên; bếp ăn tập thể, căng tin có quy mô từ 200 suất ăn/lần phục vụ trở lên; cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trong các khu du lịch thuộc thẩm quyền quản lý của cấp tỉnh.

2. Tổ chức cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh

a) Cơ sở sản xuất nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, nước đá dùng liền, nước đá dùng để chế biến thực phẩm, cơ sở sản xuất thực phẩm bổ sung, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, các vi chất bổ sung vào thực phẩm, cơ sở sản xuất thực phẩm khác không được quy định tại danh mục tại Phụ lục số III, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

b) Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã; cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và có quy mô từ 200 suất ăn/lần phục vụ trở lên.

c) Cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 02 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên, trong đó có các sản phẩm quy định tại điểm a, b khoản này có sản lượng lớn nhất trong các sản phẩm của cơ sở sản xuất.

d) Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 02 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên, trong đó có các sản phẩm quy định tại điểm a, b khoản này, nếu cơ sở đó lựa chọn ngành Y tế là cơ quan quản lý chuyên ngành để thực hiện các thủ tục hành chính.

3. Tổ chức tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Y tế trên địa bàn tỉnh.

#### **Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm cho Ủy ban nhân dân các xã, phường**

1. Quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống gồm:

a) Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và có quy mô dưới 200 suất ăn/lần phục vụ.

b) Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống không có Giấy đăng ký kinh doanh: Bếp ăn tập thể, căng tin có quy mô dưới 200 suất ăn/lần phục vụ; cửa hàng ăn, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín; dịch vụ nấu ăn lưu động; cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố; cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trong các khu du lịch, vui chơi, giải trí thuộc thẩm quyền quản lý của xã, phường.

2. Tổ chức cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và có quy mô dưới 200 suất ăn/lần phục vụ.

3. Tổ chức, triển khai công tác kiểm tra, giám sát bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong điều tra, truy xuất nguồn gốc thực phẩm, khắc phục và giải quyết hậu quả sự cố về an toàn thực phẩm, ngộ độc thực phẩm trên địa bàn.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Y tế hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định này, định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

2. Giám đốc Sở Y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung phát sinh mới, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời báo cáo về Sở Y tế để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

#### **Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Quyết định số 55/2020/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (cũ) ban hành Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 05 ngày 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (cũ) về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của ngành Y tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai hết hiệu lực thi hành kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Y tế, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Y tế;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý VPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- VP Đảng ủy UBND tỉnh;
- Báo và PTTH Gia Lai;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lãnh đạo, CV VP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, V6, V4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Thanh Lịch**